

# Kinh Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Qũy Nghi <sup>1</sup>

Đời Đường, Tam tạng Sa môn Bất Không <sup>2</sup> phụng chiếu dịch.  
Việt dịch: Quảng Minh.

---

<sup>1</sup> Đại tạng kinh, số 1318: Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Qũy Nghi Kinh.

<sup>2</sup> Bất Không Kim Cang (Amoghavajra, 705-774): Là vị tổ thứ 6 của Mật giáo, người nước Sư Tử (Tích Lan, SriLanca), phía nam Ấn Độ. Ngài là dịch giả của kinh điển hệ Mật giáo, truyền thừa dòng Thai Tạng giới (Grabha-Dhatu) tại Trung Hoa. Thuở nhỏ sư theo người chú đi qua các nước ở Nam hải, tại Java, 14 tuổi, sư gặp ngài Kim Cang Trí (Bạt Nhật La Bồ Đề, Vajrabodhi, 671-741) rồi xin xuất gia. Sư theo ngài Kim Cang Trí học chương Tát Đàm và luận Thanh Minh bằng tiếng Phạn. Đời Đường Huyền Tông, năm 720, sư 16 tuổi, cùng với thầy mình đi thuyền từ Java đến Lạc Dương. Năm 20 tuổi, sư thọ giới cụ túc ở chùa Quảng Phúc. Sư tinh thông Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ và rành nhiều ngôn ngữ. Ngài thường cùng phiên dịch với thầy bốn sư. Trong 3 năm liền, sư thỉnh cầu học Du Già Ngũ Bộ Tam Mật Pháp nhưng ngài Kim Cang Trí vẫn chưa chấp thuận. Sư dự định trở về Thiên Trúc. Đêm nọ, ngài Kim Cang Trí mộng thấy các tượng Phật và tượng bồ tát ở trong các chùa chiền tại kinh thành đều bay về hướng Đông. Tỉnh dậy, ngài Kim Cang Trí biết sư là bậc pháp khí, bèn chấp nhận lời thỉnh cầu khi xưa, truyền cho năm bộ pháp Quán đánh Hộ ma A xà lê cùng kinh Đại Nhật và quy tắc Tô tất địa. Năm 741, sư cùng thầy trở về Ấn Độ, nhưng trên đường đi thì ngài Kim Cang Trí lâm bệnh và thị tịch. Sư cùng với Hàm Quang và Huệ Biện tiếp tục cuộc hành trình, trải qua Quảng Phủ, Hạ Lăng đến nước Sư Tử. Tại đây sư theo A xà lê Phổ Hiền (Long Trí, Nagabodhi, thầy của Kim Cang Trí) lãnh thọ 18 hội Kim Cang Đánh Du Già và Đại Tỳ Lô Giá Na Đại Bi Thai Tạng, mỗi thứ 100 ngàn bài tụng, 5 bộ Quán Đánh Chân Ngôn Bí Điển, kinh luận tiếng Phạn hơn 500 bộ, lại được trao truyền mật ấn văn nghĩa tách tướng chư tông. Sư đi khắp 5 xứ Ấn Độ. Đến năm 746, sư trở về kinh đô, làm pháp quán đánh cho vua Huyền Tông và trụ ở chùa Tịnh Ảnh. Nhờ cầu mưa có linh nghiệm nên được vua ban hiệu là Trí Tạng và được ban y hồng. Khi An Lộc Sơn và Sử Tiều Minh làm loạn, sư trụ ở chùa Đại Hưng Thiện tại Trường An, tu pháp cầu nguyện để khởi tai nạn. Đến lúc Trường An bị thất thủ, Huyền Tông chạy sang đất Thục lánh nạn. Vua Túc Tông lên ngôi ở huyện Vũ Linh. Lúc ấy, sư tuy bị kẹt trong vùng loạn lạc nhưng vẫn mấy lần viết thư vấn an và tỏ lòng trung với Túc Tông. Vua Túc Tông cũng bí mật cầu đại pháp. Vua Đại Tông đặc biệt phong chức cho sư là Hồng Lô Khanh, ban hiệu là Đại Quảng Trí Tam Tạng. Sư lập đạo tràng Mật giáo ở núi Ngũ Đài để triển khai Mật giáo. Kim Các Tự, ngôi chùa tráng lệ trên núi Ngũ Đài, là công trình độc đáo nhất của sư, hoàn thành năm 767, là một nỗ lực của sư nhằm xiển dương bồ tát Văn Thù Sư Lợi như là người bảo vệ đất nước Trung Hoa. Năm 771, sư dâng biểu trình 77 bộ gồm 101 quyển kinh và 1 quyển mục lục đã được dịch từ năm 713-771 và xin cho những kinh này được đưa vào Đại tạng. Năm 774, giữa tháng 6, sư dự biết sắp thị tịch nên dâng biểu và Kim Cang linh xử để từ biệt. Sư nằm nghiêng mà nhập diệt, hưởng thọ 70 tuổi. Sư được vua Đại Tông truy tặng chức Tư Không, thụy hiệu Đại Biện Chánh, và xây tháp an trí xá lợi ở chùa Đại Hưng Thiện. Ngài Bất Không cùng với các ngài Cứu Ma La Thập, Chân Đế, Huyền Trang được mệnh danh là 4 nhà đại phiên dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán rất nghiêm mật. Sư có công rất lớn trong việc xác lập và đối chiếu âm vận. Về phương diện này, sư cùng với Thiện Vô Úy, Kim Cang Trí được gọi là 3 vị đại sĩ trong niên hiệu Khai Nguyên (713-733). Đệ tử nổi pháp của sư có Hàm Quang, Huệ Siêu, Huệ Quả, Huệ Lăng, Nguyên Hạo, Giác Siêu. Trong số này, Huệ Quả được đích truyền pháp chân ngôn làm tổ thứ 7.

Một thời đức Thế tôn ở tại Tăng già lam Ni câu luật na <sup>3</sup>, (phía nam) thành Ca tỳ la vệ, cùng với chư vị tỳ kheo, chư vị bồ tát và vô số đại chúng hội họp, bao quanh trước sau đức Thế tôn để được Ngài thuyết pháp cho.

Bấy giờ, tôn giả A Nan đang đọc cư nơi thanh vắng, nghĩ nhớ đến giáo pháp đã tiếp nhận. Ngay sau canh ba đêm ấy, tôn giả thấy một ngạ quỷ tên là Diêm Khẩu, hình thù gớm ghiếc, thân thể khô gầy, trong miệng lửa cháy, cổ họng như kim, đầu tóc rối bù, móng dài nanh nhọn, rất đáng kinh sợ. Đứng trước mặt tôn giả A Nan, ngạ quỷ nói với tôn giả rằng: Sau ba ngày nữa, mạng sống của thầy sẽ hết, liền thác sanh vào loài ngạ quỷ. Lúc đó, tôn giả A Nan nghe lời đó rồi, tâm sanh hoảng sợ, hỏi lại ngạ quỷ: Nay đại sĩ, sau khi tôi chết sẽ sanh làm ngạ quỷ, vậy thì tôi phải làm phương cách nào để thoát khỏi cái khổ ấy?

Khi ấy, ngạ quỷ bảo với tôn giả rằng: Sáng sớm ngày mai, nếu thầy có thể bố thí ẩm thực cho trăm ngàn na do tha hằng hà sa số ngạ quỷ, ngoài ra bố thí cho vô lượng chư vị bà la môn tiên <sup>4</sup>, các vị minh quan nghiệp đạo thuộc ty phủ Diêm la, các vị quỷ thần, những người đã chết lâu xa các loại ẩm thực thích ứng, mỗi vị sẽ nhận được 49 đấu ẩm thực được tính theo cái lượng đấu của nước Ma già đà <sup>5</sup>, lại còn vì ngạ quỷ chúng tôi mà cúng dường Tam bảo, thì thầy được tăng thêm tuổi thọ, và bọn chúng tôi nhờ đó cũng được lìa cái khổ làm thân ngạ quỷ, sanh về cõi trời.

Tôn giả A Nan nhìn thấy ngạ quỷ Diêm Khẩu đây, thân hình gầy gò, khô khốc gớm ghiếc, trong miệng lửa cháy, cổ họng như kim, đầu tóc rối bù, lông dài móng nhọn, lại nghe lời kể khổ lòng rất hoảng loạn, lông thân dựng đứng. Ngay khi mặt trời mới mọc, tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đi mau về chỗ Phật ở, đánh lễ dưới chân Phật, đi quanh bên phải Ngài ba vòng, thân thể run rẩy mà bạch với đức Phật rằng: Bạch đức đại bi Thế tôn, cúi xin cứu khổ cho con! Sở dĩ con cầu cứu là vì canh ba đêm qua, lúc con đang kinh hành nơi thanh vắng để suy nghiệm những pháp đã lãnh thọ thì gặp ngạ quỷ Diêm Khẩu, nói với con rằng, qua ba ngày nữa con chắc phải mạng chung, sanh làm ngạ quỷ. Con có hỏi ngạ quỷ, làm cách nào để thoát khỏi cái khổ ấy, ngạ quỷ đáp rằng, nếu có thể bình đẳng bố thí ẩm thực cho trăm ngàn vạn ức na do tha hằng hà sa số khắp cả chư ngạ quỷ, vô lượng chư vị bà la môn tiên, các vị minh quan nghiệp đạo thuộc ty phủ Diêm la, các vị quỷ thần cùng

---

<sup>3</sup> Ni câu luật na (Nigrodha) vốn là một vườn cây ở phía nam thành Ca tỳ la vệ, là nơi đức Phật trở về thuyết pháp cho vua cha là Tịnh Phạn vương, sau khi Ngài thành đạo. Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 6, ghi rằng vua A Dục tặng toàn bộ khu đất này để xây tháp và già lam. Trong khu vườn này có một ngôi tháp đánh dấu nơi đức Phật ngày xưa ngồi dưới cội đại thụ mà tiếp nhận sự cúng dường ca sa kim uất của bà di mẫu Kiều Đàm Di.

<sup>4</sup> Bà la môn tiên = Bán Thiên bà la môn: Một trong những loài quỷ, là đối tượng thí thực trong hội thí ngạ quỷ.

<sup>5</sup> Ma già đà (Magadha) tân dịch là Ma Kiệt Đà, cựu dịch là Ma Già Đà, là tên một nước ở miền trung Ấn Độ.

các quyền thuộc, những người đã chết lâu xa, thì con mới được tăng thêm tuổi thọ. Bạch đức Thế tôn, con làm sao lo liệu đầy đủ vô lượng các loại ẩm thực như vậy?

Đức Phật dạy tôn giả A Nan rằng: Ông nay chớ sợ, ta nhớ đời quá khứ, trong vô lượng kiếp, có lúc ta làm thân bà la môn, thân cận vị đại bồ tát Quán Thế Âm, lãnh thọ được pháp đà la ni tên là Vô Lượng Uy Đức Tự Tại Quang Minh Như lai đà la ni.

Đức Phật bảo tôn giả A Nan: Nếu ông có thể khéo thọ trì đà la ni này, gia trì 7 biến, có năng lực biến một món ăn thành nhiều món ẩm thực cam lộ, toàn là những món ngon thượng diệu, cung cấp no đủ cho trăm ngàn câu chi na do tha hằng hà sa số tất cả naga quý, các vị bà la môn tiên, các loại quỷ thần khác. Các chúng như vậy, mỗi vị nhận được 49 đầu ẩm thực được tính theo cái lượng đầu của nước Ma già đà. Món ăn thức uống này, số lượng đồng pháp giới, ăn hoài không hết, ai ăn cũng được quả thánh, giải thoát cái thân khổ sở.

Đức Phật dạy tôn giả A Nan: Nay ông thọ trì pháp đà la ni này thì phước đức và thọ mạng của ông tăng trưởng. Loài naga quý được sanh thiên hay tịnh độ, làm thân người trời. Vị thí chủ chuyển hoá chướng duyên, tiêu trừ tai nạn, thêm tuổi sống lâu, hiện tại chiêu phước thù thắng, tương lai chứng quả bồ đề. Hãy phát tâm rộng lớn vì cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp đến nay, khắp vì muôn loại chúng sanh ở tinh tú thiên tào, âm ty địa phủ, Diêm ma quỷ giới, côn trùng nhỏ nhít máy động, tất cả hàm linh mà bày ra sự cúng dường vô giá quảng đại, mời đến phước hội, để nương oai quang của Phật, gột rửa ruồng thân, được lợi thù thắng, hưởng vui nhân thiên. (Phát nguyện như sau:)

**Nguyện xin chư Phật, bồ tát bát nhã, kim cang, chư thiên, các quan nghiệp đạo<sup>6</sup>, vô lượng thánh hiền, đem vô duyên từ mà chứng biết cho việc làm của con. Đó là chúng con vì muốn cho thế nguyện càng thêm rộng lớn và đầy đủ, vì muốn giúp đỡ lớn lao những hữu tình không cho thối thất, vì phá tan các nghiệp chướng để được thanh tịnh, vì muốn tinh tấn mà cầu đạo vô thượng mau chóng thành tựu, vì muốn cứu tế chúng sanh trong các ác đạo vượt thoát biển khổ lên bờ bến kia. Như trong kinh có nói: Trong bốn loài<sup>7</sup>, sáu nẻo, vô biên thế giới, đều có những bậc chủ tể thống lãnh làm thượng thủ. Họ đều là các bậc bồ tát an trụ trong bất khả tư nghĩ giải thoát, bằng từ bi và thế nguyện mà phân hình bố ảnh, thị hiện hoá thân ở trong sáu đường cùng chịu khổ với chúng sanh, thiết lập những phương tiện (cứu độ) nhưng không bị phiền não và tùy phiền não<sup>8</sup> xâm hại. Họ biết rõ các nghiệp (nhân quả) nên có thể hưởng**

<sup>6</sup> Chư nghiệp đạo = nghiệp đạo minh kỳ: Các quỷ thần ở cõi U minh được sanh ra từ nghiệp nhân mà họ đã tạo.

<sup>7</sup> Tứ sanh là 4 loài chúng sanh phân loại theo 4 cách sanh: noãn, thai, thấp, hóa.

<sup>8</sup> Phiền não có 10: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Tùy phiền não có 20: Phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, hại, kiêu, vô tâm, vô quý, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri.

**dẫn chúng sanh phát khởi đạo ý<sup>9</sup>, thường tự nhắc nhở trách hối nghiệp thân tạo tác, điều phục giáo hoá tất cả chúng sanh. Họ là đại đạo sư phá diệt ba đường, làm sạch con đường nghiệp quả<sup>10</sup>, đoạn dứt dòng sông khát ái, chẳng xả hạnh nguyện mà làm thiện tri thức sống trong biển khổ, thành tựu lợi lạc cho các hữu tình chứng đại niết bàn<sup>11</sup>.**

Nếu có vị thí chủ tin sâu đại thừa, khát ngưỡng Du già giáo, ưa vui thấy nghe pháp môn cam lộ<sup>12</sup> thuộc đà la ni tạng<sup>13</sup> thì phải vì chư hữu tình mà hưng khởi lòng cứu giúp, ân cần ca ngợi (pháp môn cam lộ), xả bỏ tài bảo lớn, thỉnh thầy 3 lần, xin được hứa khả mà lập đàn pháp, sanh tâm bình đẳng nhất như, lia tưởng oán ghét, thực thi bố thí không có hối hận, thân cận thiện hữu, dũng mãnh tinh tấn, tâm không khiếp sợ cầu được đại đạo, xưng tán Tam bảo, bảo vệ mạng sống, dùng mọi phương tiện cứu giúp cho chúng sanh giải thoát, chẳng ôm lòng ác vì nuôi thân mạng, thường hành lợi mình lợi người.

**Thiện nam tử kia đích thật là bạn lành, hành bồ tát hạnh, khắp vì chúng sanh trong ba đường ác thú, tất cả nạ quỷ, chúng Diêm ma vương, bà la môn tiên, chư thiên hư không<sup>14</sup>, phạm vương, đế thích, tứ thiên vương, thiên tào tinh tú, tám bộ long thần<sup>15</sup>, nhật nguyệt Tu di, a tu la, ngoại đạo, chúng ma ở các tầng trời Dục giới<sup>16</sup>; các chúng sanh sống trong nước, lửa, gió, hư không, núi rừng, hang động, nhà cửa, cung điện, già lam, đất bằng, sông ngòi, khe suối, ao hồ; thần chúng du hành ban phát cát hung ở nơi miếu vũ, ghi chép thiện ác, thần thông vô ngại; những loài chim có cánh bay lượn, những loài thủy tộc có vảy bơi lội, những loài thú mang lông đội sừng, những sanh linh máy di động, những cô hồn phiêu lãng đồng hoang, những oan hồn khổ đau vì thân chết còn bị đánh<sup>17</sup> nên nhiều đời oán hận trói buộc nhau chưa dứt, những**

<sup>9</sup> Đạo ý = đạo tâm, vô thượng đạo tâm, vô thượng đạo ý, bồ đề tâm: tâm cầu đạo vô thượng bồ đề.

<sup>10</sup> Chánh văn là nghiệp đạo, hiểu đơn giản là quả báo dị thực thuộc đường lành, đường dữ.

<sup>11</sup> Đại niết bàn = thành Phật

<sup>12</sup> Cam lộ pháp môn: Tức chỉ giáo pháp của Như Lai. Cam lộ là thí dụ cho niết bàn. Cửa ngõ đưa đến niết bàn còn gọi là cam lộ môn. Kinh Pháp Hoa, phẩm Hoá Thành Dụ nói: “Phổ trí thiên nhân tôn, thương xót loài quần manh, hay khai cam lộ môn, rộng độ cho tất cả”.

<sup>13</sup> Một trong 5 tạng mà kinh Lục ba la mật trình bày (kinh, luật, luận, bát nhã ba la mật và đà la ni môn), là pháp tạng của chân ngôn đà la ni, là giáo pháp đề hồ tối thượng trong 5 tạng, theo đó mà lập ra tông chân ngôn.

<sup>14</sup> Hư không chư thiên: Chư thiên ở cõi hư không, tức chỉ chư thiên từ cõi trời Đâu Suất trở lên. Vì trụ tại không trung nên còn gọi là không cư thiên.

<sup>15</sup> Long thần bát bộ: Trong tám bộ chúng, đứng đầu là Trời và Rồng, nên gọi là thiên long bát bộ hay còn gọi là long thần bát bộ. Tám bộ chúng gồm có: 1. Thiên chúng, 2. Long chúng, 3. Dạ Xoa, 4. Càn Thát bà, 5. A tu la, 6. Ca lâu la, 7. Khẩn na la, 8. Ma hầu la già.

<sup>16</sup> Lục dục thiên: 1. Tứ thiên vương thiên, 2. Tam thập tam thiên, 3. Diêm ma thiên, 4. Đâu suất thiên, 5. Hóa tự tại thiên, 6. Tha hóa tự tại thiên.

<sup>17</sup> Sách Sử Ký: Quân Ngô vào kinh đô của nước Sở, Ngũ Tử Tư tìm Sở Chiêu Vương để trả mối thù giết cha và anh trước đây nhưng không thấy, Tử Tư bèn quật mồ Sở Bình Vương đánh thi thể đến 300 roi mới thôi, nên gọi là tiên thi (đánh xác chết). Lịch sử nước ta cũng không ngoại lệ: Khi Nguyễn Ánh đánh thắng nhà

oán hôn nhiều kiếp còn cạy vào tài bảo coi như mạng sống, các bậc tăng ni vong quá mà vẫn chưa chứng quả, cha mẹ nhiều đời, bà con thân thích, (tất cả) nương lời dạy của đức Như lai mà được thoát ba đường, vô lượng chúng sanh trong địa ngục phát tâm bồ đề, những mong được phóng xá giải thoát những oán kết, lần lượt cảm niệm nhau như tưởng nhớ cha mẹ, đều đến đạo tràng đây để được chứng tri, hộ niệm, ôm lòng tha thiết. Giống như hoa Ưu đàm rất khó có thể trồng được, những chúng sanh đây khó mà thu hoạch được quả thánh, bởi vì những nghiệp nhân tạo tác trong nhân gian, cùng với thức tình khó an định, nên phần nhiều chạy theo vọng khởi, rồi chứa nhóm (chủng tử) làm nguồn gốc của mọi khổ đau, trở lại sanh các lầm lỗi, hoạn nạn.

Lại nữa, sinh sống nhờ ân trạch của quân vương đất nước, an trụ trong đức từ quang của Phật đà, thường xét duyên xưa cũng như nghĩ nhớ quả nay, ngày đêm nhắc trách làm sao báo đáp ân đức kia. Nay có cơ hội làm bà con thân thích, cha mẹ, sao còn tráo trở, điên đảo theo duyên, dù cải hình đổi mặt cũng không vượt khỏi tâm thức. Do vậy, xin nguyện ngày nay nương nhờ sức Phật, từ hư không xa bay đến đạo tràng này, rủ ánh từ quang xuống thân thể tùy hình, tùy loại của mỗi chúng sanh, nguyện sám tẩy trần cấu, phát tâm bồ đề, xin chư Phật thọ cúng dường này.

Đức Phật dạy tôn giả A Nan rằng: Nếu muốn thọ trì pháp thí thực thì phải y theo pháp Du già<sup>18</sup> tam muội sâu kín của vị thầy A xà lê<sup>19</sup>.

Nếu là hành giả muốn tu thì phải theo vị thầy Du già A xà lê mà học cách phát tâm vô thượng đại bồ đề, thọ tam muội giới, nhập đại mạn ã la<sup>20</sup>, được pháp quán đảnh, vậy sau mới được chấp nhận thọ pháp ngũ trí quán đảnh của đức Đại Tỳ Lô Giá Na Như lai, tiếp nối ngôi vị của bậc A xà lê thì mới được truyền dạy. Không như vậy mà làm thì

---

Tây Sơn năm 1802, lên làm vua lấy hiệu là Gia Long, thì trả thù nhà Tây Sơn rất dã man: mồ mã bị khai quật, hài cốt bị giã nát vứt đi, đầu lâu của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Quang Toản và một chủ của vợ chồng Nguyễn Huệ đều bị giam ở nhà Đồi Ngoại, sau lại đưa vào cấm cố vĩnh viễn trong ngục thất.

<sup>18</sup> Du già (yoga): nghĩa là tương ứng (thích ứng với nhau), mà chính yếu là tương ứng với chỉ và quán, danh từ khác của thiền định, tam muội. Tuy nhiên, Du già giáo theo Mật tông thì Phật và chúng sanh dung thông lẫn nhau, nhập vào cảnh giới Du già: thân kết ấn (thân mật), miệng tụng chân ngôn (khẩu mật), ý quán tưởng đức bốn tôn Tỳ Lô Giá Na (ý mật), 3 nghiệp như vậy tương ứng với tam mật của Phật. Dưới sự gia trì tam mật mà chúng sanh đều được đầy đủ trí tuệ đức tướng của Phật, thành tựu diệu hạnh tức thân thành Phật, hiển bày quả đức bản giác của chúng sanh.

<sup>19</sup> A xà lê: Trong mật giáo, vị thông hiểu mạn đà la và tất cả các tôn vị (Phật, bồ tát, minh vương ...), chân ngôn, thủ ấn, quán hạnh tất địa, truyền pháp quán đảnh, được gọi là a xà lê. Kinh Đại Nhật, phẩm Cụ Duyên ghi: A xà lê phải có đủ 13 đức như sau: 1. Phát tâm bồ đề, 2. Diệu huệ từ bi, 3. Nhiếp thọ chúng sanh, 4. Khéo tu hành bát nhã ba la mật, 5. Thông hiểu ba thừa, 6. Hiểu biết rành rõ thật nghĩa của chân ngôn, 7. Hiểu rõ tâm chúng sanh, 8. Kính tin chư Phật, bồ tát, 9. Được truyền thọ quán đảnh “Đẳng diệu giải main đà la họa”, 10. Tâm tánh mềm mỏng, xa lìa ngã chấp, 11. Khéo được sự vững chắc đối với việc thực hành chân ngôn, 12. Tu tập du già được rốt ráo, 13. An trú mạnh mẽ tâm bồ đề.

<sup>20</sup> Mạn ã la = mạn đà la

không được hứa nhận. Giả sử theo ý mà làm thì tự chuốc tai họa, thành ra lỗi ăn trộm giáo pháp, trọn không công hiệu. Nếu người đã thọ pháp quán đảnh, y theo thầy dạy, tu tập Du già, (đầy đủ) oai nghi pháp thức, có khả năng khéo phân biệt rõ ràng pháp tướng<sup>21</sup>, thì gọi là Tam tạng A xà lê, là người được phép truyền trao giáo nghĩa Du già.

Nếu muốn tác pháp, thầy A xà lê trước phải tự hộ trì (thân tâm), các đệ tử cũng làm theo thầy như vậy. Định biết ngày rồi, kế chọn lựa tịnh địa như tinh hoa đại xá, rừng vườn nhàn tịnh, chỗ quý thần ưa thích, nơi suối chảy ao tắm, chỗ phước đức<sup>22</sup>, sông ngòi núi hồ, hoặc nhà ở cũng được. Hãy như pháp mà tô xoa bằng bùn với nước thơm, tùy khả năng của thí chủ mà làm (đồ biểu mạn đà la) hình vuông hình tròn<sup>23</sup> lớn nhỏ, ở bốn góc dựng phướng như pháp để trang nghiêm. Dùng tơ ngũ sắc đặt lên trên trái châu hoả diệm, lại ở trong trái châu an trí **Phật đảnh đại bi tuỳ cầu tôn thắng**: đông bắc là **Phật đảnh**, đông nam là **đại bi**, tây nam là **tuỳ cầu**, tây bắc là **tôn thắng**. Lại ở nơi bốn cột trụ như pháp trang nghiêm một cách đặc thù đẹp đẽ những lá phan gọi là cát tường phan, khiến cho trong khoảng một trăm do tuần không có các việc suy tàn, tai nạn, tức là thành việc kết giới vậy. Gió thổi thân phan phát phối, đất rưới nước ướt thấm nhuần, tội chướng tiêu vong được đại phước lợi, mắt thấy tai nghe thấy đều lợi giúp.

Lại nữa, chu vi (của đàn tràng) treo những dải lụa, phan phướng, quạt báu rủ phất để trân trọng bố cáo chư liệt vị. Lại nơi đàn tràng<sup>24</sup> sắm sửa nước thơm A già đà<sup>25</sup>, hoa mầu, đèn nến, hương xoa, ẩm thực, thuốc thang, các loại trái cây, cùng các món vật khác, đúng pháp làm sạch, chớ cho tiếp xúc với vật dơ bẩn. Trang nghiêm xong rồi, tay cầm lư hương, đi quanh chiều phải để xem xét khắp cả đạo tràng, thấy chỗ nào chưa chu đáo đầy đủ thì phải an bài thêm nữa. Việc trang nghiêm xong, thầy và các đệ tử dùng nước thơm tắm gội, mặc y sạch mới. Từ trong ra ngoài đình chùa, quét dọn như pháp, đường đất rải hương nê, trang nghiêm như pháp. Đây gọi là tam muội da đàn<sup>26</sup>.

Nơi đạo tràng, ngoài thì phô bày sự dâng cúng thanh tịnh, bản thân thì nghiêm chỉnh oai nghi mà làm lễ ba lạy, mặt day về hướng đông, quỳ xuống, tay cầm lư hương, làm pháp khải thỉnh:

---

<sup>21</sup> Thấy rõ cái lý “vạn pháp duy thức” qua sự tu tập chỉ quán mà lấy ấn tượng của tâm làm đối tượng.

<sup>22</sup> Chỗ phước đức là nơi thờ phụng Tam bảo, nơi hành thiện pháp, nơi có người tu tập ngũ độ.

<sup>23</sup> Đồ biểu mạn đà la này không có vẽ hình tượng cụ thể mà chỉ liệt kê danh hiệu của các tôn vị. Thân sắc của các tôn vị ấy được biểu thị bằng hình vuông, hình tròn, tam giác v.v... Hình vuông đại biểu cho màu vàng, hình tròn là màu trắng, tam giác là màu đỏ.

<sup>24</sup> Chỉ cho đàn pháp (nội đàn) mà chư Thánh chúng sẽ an vị theo thứ tự riêng biệt. Điều này có ghi trong giáo văn hay từ thầy mà nắm thụ.

<sup>25</sup> A già đà (agada) là tên một thứ thuốc phòng ngừa và trị mọi thứ bệnh, mọi thứ độc, dịch là phổ khứ, vô giá, vô bệnh, bất tử dược. Kinh Niết Bàn có nói: “Bồ tát nguyện cho chúng sinh được món thuốc A già đà, nhờ sức thuốc ấy họ trừ được tất cả vô số thứ độc hại”.

<sup>26</sup> Là đàn tràng mà các quý thần, cô hồn thọ tam muội da giới (tâm giới).

**Khải cáo mười phương  
Hết thầy chư Phật  
Bồ tát bát nhã  
Kim cang, chư thiên  
Và các nghiệp đạo  
Vô lượng Thánh hiền  
Con nay xin đem  
Tâm từ bi lớn  
Nương thần lực Phật.  
Triệu thỉnh mười phương  
Tận hư không giới  
Ba đường, địa ngục  
Và các cõi dữ,  
Tất cả ngã quỷ  
Nhiều kiếp đói khát,  
Diêm la chư ty  
Thiên tào, địa phủ  
Minh quan nghiệp đạo  
Bà la môn tiên,  
Người chết lâu xa  
Linh hồn đồng nội  
Chư thiên hư không  
Cùng các quyến thuộc  
Khác loại quỷ thần.  
Cúi xin chư Phật  
Bồ tát bát nhã  
Kim cang, chư thiên  
Vô lượng Thánh hiền  
Và các nghiệp đạo  
Nguyện phóng oai quang  
Thương hộ niệm thêm.  
Khắp nguyện mười phương  
Tận hư không giới  
Thiên tào, địa phủ  
Minh quan nghiệp đạo  
Vô lượng ngã quỷ  
Cha mẹ nhiều đời  
Người chết lâu xa  
Bà la môn tiên,  
Tất cả oán kết**

**Cậy nhờ tài mạng,  
Các thứ tộc loại  
Khác loại quỷ thần  
Cùng các quyến thuộc,  
Nhờ sức Như lai  
Vào lúc sáng sớm<sup>27</sup>  
Quyết định giáng lâm  
Được thọ pháp vị  
Như lai thượng diệu  
Thanh tịnh cam lồ  
Uống ăn đầy đủ  
Thấm nhuần ruộng thân  
Phước đức, trí tuệ  
Phát tâm bồ đề  
Xa lìa tà hạnh  
Quy y Tam bảo  
Hành đại từ tâm  
Lợi ích hữu tình  
Cầu đạo vô thượng  
Chẳng thọ luân hồi  
Các quả ác khổ  
Thường sanh nhà lành  
Lìa các sợ hãi  
Thân thường thanh tịnh  
Chứng đạo vô thượng.**

Ba lần bạch, khải cáo như vậy xong rồi, liền vận tâm cúng dường hương, hoa, đăng, đồ lên chư Phật, bồ tát bát nhã, kim cang, chư thiên, vô lượng thánh hiền, các nghiệp đạo quan, cúi xin chư vị từ bi giáng lâm nhiếp thọ sự cúng dường nhỏ mọn. Lễ tam bái xong, nghinh thỉnh chư thánh chúng vào trong đàn tràng, rồi đi quanh chiều phải ba vòng, về lại chỗ cũ, mặt hướng về phía đông mà làm lễ thánh chúng. Dem hương, hoa, đăng, đồ, các món pháp sự mà cúng dường (lên thánh chúng). Kế đến là phát lộ những lỗi lầm đã tạo của thân tâm, sám hối xong, lại làm lễ thánh chúng. Lấy ngón tay áp út (ngón giới độ) của bàn tay phải nhúng vào hương xoa mà xoa vào lòng bàn tay trái (cùng vận tâm nhập quán) rồi mới có thể tác pháp.

---

<sup>27</sup> Vào giờ Hợi (9-11 giờ tối) khi mặt trời đã lặn, chư thiên chúng hoan hỷ giáng lâm, tác pháp linh nghiệm vậy.



**Kế đến, kết ấn Phá địa ngục:** Hai tay kết ấn kim cương quyên, hai ngón út (ngón đản, tuệ) móc với nhau, hai ngón trở (ngón tấn, lực) tựa vào nhau <sup>28</sup>, niệm tưởng đang mở cửa địa ngục. Ba lần tụng, ba lần kéo mở.

**Chân ngôn (Phá địa ngục):**

**Năng mô a sắt tra, thí đế nam, tam nhị da, tam một đà câu chi nam, án, nộ  
ninh năng, phước bà tế, địa rị địa rị, hồng.**

Do uy lực của ấn chú này mà bao nhiêu cửa ngõ địa ngục trong các cõi chúng sanh đến ở, theo ấn chú này mà đột nhiên tự mở.

**Kế đến kết ấn Triệu thỉnh ngạ quỷ:** Bàn tay trái làm dáng vô úy, bàn tay phải thẳng hướng về trước, bốn ngón hơi co, ngón trở thiết cong.

**Chân ngôn Triệu thỉnh:**

**Án, di năng di ca, ế sái duệ sái, bà phạ hạ.**

Triệu thỉnh xong, ngạ quỷ khắp đều vân tập. Do lòng thương nhớ, ngợi khen, an ủi, khiến cho chư ngạ quỷ sanh lòng hoan hỷ mà khát ngưỡng với giáo pháp.

**Kế đến kết ấn Triệu tội:** Hai tay kết ấn kim cương rồi đan kết lại với nhau, (bằng cách hai ngón út và hai ngón áp út giao nhau), hai ngón giữa thẳng đứng như kim, hai ngón trở cong như móc câu.

**Chân ngôn Triệu tội:**

**Án, tát phạ bá bả yết rị sái noa, vĩ thú đà năng, phạ nhật ra dát pha, tam ma  
da, hồng, nhược.**

**Kế đến kết ấn Diệt tội (Tội tội):** Tám ngón treo nhau vào trong, hai ngón giữa như vách đứng.

**Chân ngôn Diệt tội:**

---

<sup>28</sup> Bàn tay phải là Kim cương giới, tính từ ngón út cho tới ngón cái, các ba-la-mật theo thứ tự là: bố thí (đàn), trì giới (giới), nhẫn nhục (nhẫn), tinh tấn (tấn), thiền định (thiền) ba-la-mật. Bàn tay trái là Thai tạng giới, cũng tính từ ngón út cho đến ngón cái, các ba-la-mật theo thứ tự là: tuệ, phương tiện, nguyện, lực và trí ba la mật.

**Án, phạ nhật ra bá ni, vĩ sa phổ tra da, tát phạ bá da, mãn đà năng ninh, bát ra mô khát xoa da, tát phạ bá da nga để tỳ được, tát phạ tát đất phạ, tát phạ đất tha nga đa, phạ nhật ra, tam ma da, hồng, đất ra tra.**

**Kế đến kết ấn (Phá) Định nghiệp:** Hai tay kết ấn kim cương chưởng, hai ngón trở cong hai lóng, hai ngón cái chạm vào đầu hai ngón trở.

**Chân ngôn Định nghiệp:**

**Án, phạ nhật ra yết ma, vĩ thú đà dã, tát phạ phạ ra xoa nhĩ, mẩu đà tát để duệ năng, tam ma da hồng.**

**Kế đến kết ấn Sám hối diệt tội:** Hai tay kết ấn kim cương, các ngón tiếp giáp bên ngoài, hai ngón trở cong hai lóng, hai ngón cái chạm vào đầu hai ngón trở.

**Chân ngôn Sám hối:**

**Án, tát phạ bá bả, vĩ sa phổ tra, da hạ năng, phạ nhật ra da, sa phạ hạ.**

**Chư Phật tử đã sám hối rồi, tội chứa nhóm trăm kiếp, một niệm quét sạch mau, như lửa đốt cỏ khô, cháy hết không còn dư.**

**Kế đến kết ấn Thí cam lộ của Diệu Sắc Thân Như lai:** Sử dụng cánh tay trái chuyển cổ tay hướng ra trước, tay phải ngón trở búng ngón cái ra tiếng.

**Chân ngôn Thí cam lộ:**

**Năng mô tố lỗi bá da, đất tha nga đa da, đất nhĩ da tha: án, tố lỗi tố lỗi, bát ra tố lỗi, bát ra tố lỗi, sa phạ hạ.**

Khi tụng chân ngôn, quán tưởng phía trên hai ngón giữa có một chữ **noan**, lưu xuất nước pháp cam lộ bát nhã, vung vẩy vào không trung, thì tất cả ngã quỷ, dị loại quỷ thần khắp được mát mẻ, lửa dữ dứt mất, ruộng thân thấm nhuần, lia tưởng đói khát.

**Kế đến kết ấn Khai yết hầu:** Tay trái tưởng đang cầm hoa sen, tay phải ngón giữa búng ngón cái ra tiếng, theo lời tụng mà khảy móng tay.

**Chân ngôn Khai yết hầu:**

**Năng mô bà nga phạ đế, vĩ bồ la, nga đất ra dã, đất tha nga đa dã.**

Các người con Phật, tôi nay vì quý vị làm ấn chú xong rồi thì cổ họng tự mở, thông suốt không ngại, lìa các chướng nạn.

Các người con Phật, tôi nay vì quý vị xưng tán danh hiệu cát tường của đức Như lai, có năng lực khiến cho quý vị thoát hẳn cái khổ ba đường tám nạn, thường làm đệ tử chân thật và thanh tịnh của Như lai.

**Nam mô Bảo Thắng Như Lai.**

Các người con Phật, nếu nghe được danh hiệu Bảo Thắng Như Lai, có năng lực khiến cho những trần lao nghiệp hoả của quý vị thấy đều tiêu diệt.

**Nam mô Ly Bố Úy Như Lai.**

Các người con Phật, nếu nghe được danh hiệu Ly Bố Úy Như Lai, có năng lực khiến cho quý vị thường được an lạc, thoát hẳn sợ hãi, thanh tịnh khoái lạc.

**Nam mô Quảng Bác Thân Như Lai.**

Các người con Phật, nếu nghe được danh hiệu Quảng Bác Thân Như Lai, có năng lực khiến cho quý vị không bị cái khổ cổ họng nhỏ như kim châm của loài ngựa quý, nghiệp báo lửa dữ không còn thiêu đốt, mát mẻ thông suốt, uống ăn món gì cũng như là vị cam lồ.

**Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai.**

Các người con Phật, nếu nghe được danh hiệu Diệu Sắc Thân Như Lai, có năng lực khiến cho quý vị chẳng chịu xấu xí, các căn đầy đủ, tướng tốt tròn đầy, thù thắng đoan nghiêm, trong cõi trời nhân gian là bậc nhất hơn hết.

**Nam mô Đa Bảo Như Lai.**

Các người con Phật, nếu nghe được danh hiệu Đa Bảo Như Lai, có năng lực khiến cho quý vị đầy đủ tài bảo, nhu cầu vừa ý, thọ dụng không hết.

**Nam mô A Di Đà Như Lai.**

Các người con Phật, nếu nghe được danh hiệu A Di Đà Như Lai, có năng lực khiến cho quý vị vãng sanh thế giới cực lạc ở phương Tây, hoa sen hoá sanh, vào bất thối địa.

**Nam mô Thế Gian Quảng Đại Uy Đức Tự Tại Quang Minh Như lai.**

Các người con Phật, nếu nghe được danh hiệu Thế Gian Quảng Đại Uy Đức Tự Tại Quang Minh Như lai, có năng lực khiến cho quý vị thu hoạch được năm thứ công đức: một là trong thế gian là bậc đệ nhất so với hết thảy; hai là có được con mắt bồ tát, thân đoan nghiêm thù thắng; ba là uy đức quảng đại vượt qua tất cả thiên ma

ngoại đạo, như mặt trời chiếu thế gian, lộ bày trên biển lớn, công đức thật cao dày; bốn là được tự tại lớn, hướng tới như ý, như chim bay trong không trung không có trở ngại; năm là được kiên cố lớn, ánh sáng trí tuệ, thân tâm sáng suốt như ngọc lưu ly.

Các người con Phật, bầy đức Như Lai đây dùng năng lực của thế nguyện mà cứu giúp chúng sanh lìa xa phiền não, thoát khổ ba đường, an ổn thường lạc. Một phen xưng danh hiệu của các đức Như Lai đây thì ngàn đời lìa khổ, chứng đạo vô thượng.

**Kế đến cùng các vị quy y Tam bảo:**

**Quy y Phật, đấng phước tuệ vẹn toàn.**

**Quy y pháp, đạo thoát ly tham dục.**

**Quy y tăng, chúng đáng được tôn kính.**

**Các người con Phật, quy y Phật rồi, quy y pháp rồi, quy y tăng rồi.**

**Các vị đã nương tựa Tam bảo rồi, hãy như pháp kiên định hộ trì.**

**Kế đây vì các vị phát tâm bồ đề, các vị hãy lắng nghe.**

Kết ấn kim cang chưởng, hai ngón giữa như cánh sen, đưa ấn ngang trên tim, chân ngôn rằng:

**Án, mặc địa tức đa, mẫu đất bả na, dã nhị.**

Nay vì các vị phát tâm bồ đề rồi, các người con Phật nên biết, tâm bồ đề đó từ tâm đại bi phát khởi, là chánh nhân thành Phật, là căn bản của trí tuệ, có năng lực phá trừ vô minh phiền não, ác nghiệp, chẳng bị nhiễm cảnh (lôi kéo) phá hoại.

**Kế đến vì các vị kết ấn Truyền thọ tam muội da giới:** Hai tay kết ấn kim cang đan kết lại với nhau (bằng cách hai ngón út, hai ngón áp út và hai ngón trỏ úp lên nhau), hai ngón giữa thẳng đứng như kim.

**Chân ngôn (Tam muội da giới):**

**Án, tam muội da, tát đất noan.**

Nay tôi truyền thọ tam muội da giới cho các vị rồi, từ nay trở đi, các vị vào địa vị của Như lai, thật là đệ tử của Phật, từ pháp hoá sanh, được pháp phần của Phật.

**Kế đến kết ấn Vô Lượng Uy Đức Tự Tại Quang Minh Như lai:** Tay trái tướng đang cầm pháp khí, tay phải ngón giữa và ngón cái búng khảy với nhau, tướng trong lòng bàn tay trái có một chữ **noan**, tuôn ra vô số các loại pháp thực cam lộ.

**Chân ngôn Thí thực:**

**Án, tát phạ đát tha nga đa, phạ lộ chỉ đế, noan, bà ra bà ra, tam bà ra, tam bà ra, hồng.**

**Này các người con Phật, nay cùng các vị kết ấn chú rồi, biến thức ăn này thành vô lượng thực, lớn như núi Tu di, lượng đồng với pháp giới, trọn chẳng thể hết.**

Lại dùng thủ ấn trước mà tụng chân ngôn (Nhũ hải) rằng:

**Năng mô tam mãn đa một đà nẫm, noan.**<sup>29</sup>

**Này các người con Phật, nay cùng các vị kết ấn chú rồi, do oai lực gia trì của ấn chú đây, cùng tướng nơi thủ ấn tuôn ra vị cam lộ làm thành biển sữa, chảy rưới pháp giới, khắp giúp các vị và hữu tình sung túc no đủ.**

Bấy giờ, hành giả liền dùng tay phải cầm đồ đựng cam lộ, mặt hướng về phương đông, đứng viết (chữ **noan**) ở trước đàn tràng (hoặc viết trên đất sạch, trên tảng đá lớn, trên bồn gốm đựng nước sạch được gọi là Vu lan bồn, hoặc viết lên sanh đài cũng được, hoặc viết lên suối, ao, sông, biển. Chẳng được viết vào gốc cây của những cây như lựu, đào, liễu, vì quỷ thần hoảng sợ, chẳng ăn được vậy).

Trong đàn tràng có thánh chúng, nếu minh vương muốn bố thí ẩm thực (cho ngựa quỷ)<sup>30</sup> thì thời gian bố thí là trước canh năm, còn chư thiên muốn cúng dường chư Phật, thánh chúng thì thời gian cúng dường là sáng sớm lúc mặt trời mọc.

Nếu làm pháp sự cho quỷ thần thì thời gian do con người định chọn<sup>31</sup>, giờ Tý<sup>32</sup> cũng được, hay theo phép tắc căn bản của vị A xà lê.

---

<sup>29</sup> Đây là chân ngôn Nhũ hải (Biến hóa biển sữa), là khiến biển sữa kia rộng lớn, hòa suốt.

<sup>30</sup> Thức ăn bố thí cho ngựa quỷ nên đặt trên sanh đài, đây là pháp thức căn bản.

<sup>31</sup> Con người định đoạt thời gian lúc nào bố thí là quan trọng hơn hết. Lưu ý, bố thí cho quỷ thần thì có thể trong tất cả thời, còn riêng thí thực cho ngựa quỷ thì tốt nhất là khi màn đêm buông xuống, “chính là lúc con người yên nghỉ, ma quỷ hiện hình, cũng là khi siêu độ cô hồn, thoát cõi U minh”. Quỷ thần chia làm hai hạng: có uy phước và không uy phước. Loại quỷ thần có uy phước thì có cung điện, thân tướng trang nghiêm, nhiều kẻ tùy thuộc, hoặc thọ dụng những trân vị cam lộ, hoặc được người thờ cúng. Loại này còn chia ra làm chánh thần và tà thần. Loại quỷ thần không có uy phước thì vất vả, ở chỗ âm u, thường đói khát, hoặc ăn những đồ bất tịnh.

Từ lúc Ngọ trai đến hết một ngày, nếu chỉ gia trì pháp thủy lên các món ẩm thực, để bố thí cho các loài thủy tộc, thú chạy, chim bay, thì chẳng cần chọn thời tiết, cứ việc bố thí lúc nào tiện lợi.

Nếu lập đàn pháp thí thực cho ngựa quỷ nên chọn giờ Hợi là lúc thí thực. Nếu lấy thời Ngọ trai mà thí thực cho ngựa quỷ thì (việc thí thực ấy) chỉ là luống uổng công lao, cũng không kết quả, bởi lẽ thời tiết không đúng, vọng sanh hư dối, quỷ thần chẳng ăn được vậy. Hành giả nếu chẳng từ thầy trao truyền (mà làm) thì tự rước tai họa, thành tội trộm pháp.

**Các người con Phật, mặc dù theo nhóm loại mà phân chia, các vị chớ sanh tâm sân hận (mà phân bì, được vậy thì) việc bố thí không có chướng ngại, bởi vì tôi không có tâm cao thấp, bình đẳng chia khắp, chẳng lựa oán thân. Hôm nay, các vị chớ nên lấy giàu khinh nghèo, ý mạnh hiếp yếu, ngăn trở kẻ cô, người trẻ, khiến không được ăn, hoặc chia không đồng đều. Nướng theo lòng từ tế của Phật, các vị phải thương tưởng giúp đỡ nhau, cũng như cha mẹ thương nhớ đứa con vậy.**

Này các người con Phật, các vị ai cũng có cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè thân quen. Người có sự duyên đến không được, thì các vị, những người con Phật, hãy mở lòng từ bi thương nhớ. Mỗi người đều được trao tặng đồ ăn thức uống, tiền tài, vật phẩm, lần lượt được bố thí sung túc no đủ, không có thiếu ít, khiến phát đạo tâm, xa hẳn ba đường, vượt qua bốn dòng<sup>33</sup>, nên xả thân này, mau lên đạo quả.

**Lại vì các vị đem tịnh thực này phân làm ba phần: một là bố thí cho giống ở dưới nước khiến được nhân không<sup>34</sup>; hai là bố thí cho loài có lông cánh khiến được pháp tịch<sup>35</sup>; ba là bố thí cho những chúng sanh ở tha phương mà tình thức còn bầm thụ, hình hài chưa hình thành<sup>36</sup>, đều khiến sung túc, được vô sanh nhẫn<sup>37</sup>.**

---

<sup>32</sup> Giờ Tý: 11-12 giờ đêm.

<sup>33</sup> Tứ lưu: Gồm có: 1. Kiến lưu: chỉ Kiến hoặc của tam giới. 2. Dục lưu: chỉ tất cả hoặc của Dục giới, trừ Kiến và Vô minh. 3. Hữu lưu: chỉ tất cả các hoặc của hai giới trên, trừ Kiến và Vô minh. 4. Vô minh lưu: chỉ Vô minh của tam giới. Hữu tình vì bốn pháp này mà trôi nổi chẳng dứt, nên gọi là lưu.

<sup>34</sup> Nhân không = ngã không: Hàng phạm phu vọng chấp năm uẩn là thật ngã nên có ra phiền não chướng làm cho bị luân hồi. Vượt qua chướng ngại sự dụng ấy gọi là thể nhập ngã không.

<sup>35</sup> Pháp tịch = pháp không: Biết rõ năm uẩn là không thật nhưng vẫn còn năng sở về các pháp sở tri (= sở tri chướng) làm cho không chứng ngộ. Vượt qua chướng ngại chân lý ấy gọi là thể nhập pháp không. Phạm phu là người chưa hủy diệt được hai chướng ngại. Hàng thanh văn duyên giác là bậc vĩnh viễn loại bỏ ái dục, hủy diệt chướng ngại sự dụng nhưng chưa hủy diệt chướng ngại chân lý. Bồ tát là bậc nỗ lực hủy diệt hai chướng ngại, hàng phục hai chướng ngại và hủy diệt hoàn toàn hai chướng ngại.

<sup>36</sup> Chánh văn là tha phương bầm thục đào hình, chỉ cho chúng sanh ở trong giai đoạn chuyển tiếp sau khi chết và trước khi tái sanh, gọi là thân trung ấm.

**Kế đến kết ấn Phổ Cúng dường:** chấp tay kim cang, (hai ngón giữa cong hai lóng), đặt ấn ngang tim.

**Chân ngôn (Phổ cúng dường):**

**Án, nga nga năng, tam bà phạ, phạ nhật ra hộc.**

Các người con Phật, trước đây đã thọ hưởng những ẩm thực nhân gian mà toàn là những thứ có ra từ sự đổi chác sinh mạng, tiền mua khô rượu, máu thịt tanh tươi, đồ cay hôi nồng. Những món ăn thức uống lâu nay tiếp nhận đó, giống như thuốc độc, tổn hại nơi thân, chỉ thêm gốc khổ, làm cho trầm luân biển khổ không biết lúc nào giải thoát. Tôi nương vào giáo pháp Như lai mà chí thành buông xả tất cả, thiết lập pháp hội vô giá<sup>38</sup> rộng lớn này. Các vị ngày hôm nay gặp được thắng thiện giới phẩm<sup>39</sup> này để thắm nhuần nơi thân, đó là do đời quá khứ các vị đã phụng sự chư Phật một cách rộng lớn, thân cận bạn lành, cúng dường Tam bảo. Do nhân duyên này mà gặp được thiện tri thức, phát tâm bồ đề, thệ nguyện thành Phật, không cầu quả vị khác. Người đắc đạo trước lần lượt độ thoát (người sau). Lại nguyện các vị ngày đêm thường hằng ủng hộ cho tôi mãn thành sở nguyện. Việc thí thực này có được bao nhiêu công đức đều đem hồi thí khắp cả pháp giới hữu tình, nguyện cùng chư hữu tình cùng đem tất cả phước báu này hồi thí đạo quả vô thượng bồ đề, nhất thiết chủng trí, chớ mong quả vị khác, nguyện mau thành Phật.

---

<sup>37</sup> Vô sanh nhẫn = vô sanh pháp nhẫn: Là tuệ giác thể nhận thật tướng không sanh diệt của các pháp. Thật tướng ấy vốn không phiền não, không sanh phiền não. Được tuệ giác này là được đến vị trí Không thối chuyển (Bất thối: A bệ bạt trí).

<sup>38</sup> Vô giá hội: Phạn âm là Panca-varsika maha, Hán âm là Ban giá vu sắt hội, là pháp hội thực hành tài thí và pháp thí một cách bình đẳng, không phân biệt hiền thánh, tăng tục, sang hèn, trên dưới. Vô giá nghĩa là khoan dung mà không hạn chế. Vào thời vua A Dục ở Ấn Độ đã có sự thực hành pháp hội này, cứ 5 năm một lần, gọi là Ngũ niên đại hội. Tây Vực Ký quyển 5 ghi rằng: “Năm năm thiết lập vô giá đại pháp hội một lần, dốc hết của kho, huệ thí cho chúng sanh, chỉ giữ lại binh khí không bố thí, cho nên biết lập hội này hao tổn của cải rất lớn”. Ngài Pháp Hiển thuật lại hội vô giá trong cuốn Phật quốc ký như sau: “ Ban giá việt, tiếng Trung hoa là Đại hội 5 năm 1 lần. Khi đại hội thì mời chư tăng mọi nơi cùng đến vân tập. Vân tập rồi chỗ ngồi chư tăng được trần thiết, treo lụa, treo cờ và cắm lọng. Lại làm hoa sen bằng vàng, bằng bạc đặt sau chỗ ngồi chư tăng, trải lên trên chỗ ngồi ấy những tấm tọa cụ sạch sẽ. Quốc vương cúng dường đúng phép trong 1 tháng, 2 tháng hay 3 tháng, và phần nhiều cử hành vào mùa xuân”. Ở đây, Cam lộ vô giá hội là đại hội bình đẳng bố thí thức ăn cho ngựa quý, cô hồn và chúng sanh trong sáu đường, đồng thời bố thí pháp vị cam lộ của Phật để chúng sanh nương đó, tùy theo căn cơ, mà được thiện lợi, được siêu thoát và an lạc.

<sup>39</sup> Thắng thiện giới phẩm = tam muội da giới: Lấy bồ đề tâm làm giới pháp, cũng có nghĩa là lấy trí giác của Phật, tức giác tánh của mình, mà làm giới phẩm. Có được giới phẩm ấy thì luôn thức tỉnh rằng mình có giác tánh ấy, và cần sống theo giác tánh ấy không cho trái vượt.

**Kế đến kết ấn Phụng tống:** Hai nắm tay kim cang, hai ngón trở móc với nhau, tùy tụng mà chế khai.<sup>40</sup>

### **Chân ngôn Kim cang giải thoát:**

#### **Án, phạ nhật phạ, mục khát xoa mục.**

Đức Phật bảo tôn giả A Nan: Ở đời đương lai, có vị tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di nào vào mỗi sáng sớm, giờ ngọ trai, hay trong tất cả thời, thường dùng pháp (thí thực) này cùng với các chân ngôn và danh hiệu của 7 vị Như lai mà gia trì vào trong đồ ăn thức uống thí cho các nạ quỷ (có phương tiện) tu hành. Hành giả nên vào thời ngọ trai hay trong tất cả thời<sup>41</sup>, vì các nạ quỷ và quỷ thần khác mức cho đầy các món ẩm thực vào trong đồ đựng sạch sẽ. Thời gian là do con người định chọn lúc nào thì gia trì pháp thực để bố thí cho vô lượng nạ quỷ và các chúng quỷ thần khác. Hành trì như vậy là có được đầy đủ vô lượng phước đức, như công đức cúng dường trăm ngàn câu chi đức Như lai không có sai khác, thọ mạng dài lâu, tăng ích sắc lực, thiện căn đầy đủ, tất cả phi nhân, dạ xoa, la sát, chư ác quỷ thần chẳng dám xâm hại, lại còn có thể thành tựu vô lượng uy đức.

Nếu muốn bố thí cho các nạ quỷ, các bà la môn tiên, các nghiệp đạo minh quan trong các sở ty Diêm la, các quỷ thần và người chết lâu xa, thì bằng cách đem những món ăn thức uống tinh sạch đựng đầy trong cái bát, làm những ấn chú ở trên, rồi đổ vào trong dòng nước sạch. Làm như vậy rồi, tức là đã đem các món ẩm thực mỹ diệu của chư thiên tiên mà cúng dường cho câu chi hằng hà sa số các bà la môn tiên, các nghiệp đạo minh quan trong các sở ty Diêm la, các quỷ thần và người chết lâu xa. Nhờ uy lực của ấn chú gia trì vào thức ăn mà mỗi vị (thọ nhận thức ăn) thành tựu sở nguyện căn bản, các công đức lành. Các vị ấy đồng thời phát thệ nguyện rằng: Nguyện cho người hiến cúng được thọ mạng dài lâu, phước đức an lạc. Lại mong cho người ấy thấy nghe tin hiểu chánh pháp một cách thanh tịnh, đầy đủ thiện căn, mau chứng vô thượng chánh đẳng bồ đề. Người ấy được công đức đồng đẳng không khác công đức cúng dường trăm ngàn hằng hà sa chư vị Như lai, tất cả oán thù chẳng thể xâm hại.

Chư vị tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, nếu ai muốn cúng dường Tam bảo, Phật pháp tăng, nên đem hương, hoa, đăng, đồ, ẩm thực thượng diệu, dùng ấn chú ở trên

---

<sup>40</sup> Tùy tụng mà chế khai, nghĩa là 3 lần tụng “Án, phạ nhật phạ, mục khát xoa mục”, thì 3 lần nâng thủ ấn gần đỉnh đầu rồi vung các ngón tay hướng ra ngoài, như là đem hương hoa thượng diệu tung rải lên hư không, hoa ấy xoay chiều trái để giải giới, cũng hàm ý tiễn đưa chư Phật bồ tát và chúng sanh sáu đường.

<sup>41</sup> Thức ăn bố thí cho quỷ thần trong tất cả thời phải là thức ăn chưa từng thọ dụng, đồ để dành, đồ xuất sanh hay lưu phạn. Sách Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu ghi, khi thị giả đưa đồ ăn cho quỷ thần thì đọc bài kệ sau: Nhữ đẳng quỷ thần chúng, ngã kim thí nhữ cúng, thử thực biến thập phương, nhất thiết quỷ thần cộng. Ấn mục lực lãng sa ha. (Chúng các người, nay tôi cho đồ cúng, đồ này khắp tất cả, quỷ thần cùng hưởng chung. Ấn mục lực lãng sa ha.)



gia trì mà hiến cúng, thì chư Phật, bồ tát, tất cả hiền thánh hoan hỷ tán thán các thứ công đức; hằng được chư Phật nhớ nghĩ, ca ngợi; chư thiên, thiện thần thường đến ủng hộ, rằng người này đang thực hành trọn vẹn bố thí ba la mật.

Đức Phật bảo tôn giả A Nan rằng: Ông hãy theo lời Như lai mà tu hành đúng như pháp cùng rộng nói lưu bố, khiến cho các chúng sanh đoản mạng, bạc phước khắp được thấy nghe, thường tu pháp này để được thọ mạng dài lâu, phước đức thêm lớn. Đây là kinh Đức Phật vì tôn giả A Nan mà nói đà la ni cứu bạt nga quý Diệm Khẩu cùng tất cả chúng sanh<sup>42</sup>. Hãy dùng tên kinh này, ông nên tụng trì. Tất cả đại chúng và tôn giả A Nan v.v... nghe đức Phật nói kinh này xong, một lòng tin nhận, hoan hỷ tụng hành.

*Phật đản 2553  
09.05.2009*

---

<sup>42</sup> Phật thuyết vị A Nan cập cứu bạt Diệm Khẩu nga quý nhất thiết chúng sanh đà la ni kinh.